

## GIAI ĐOẠN HAM MUỐN CỦA CHU TRÌNH ĐÁP ỨNG TÌNH DỤC Ở NGƯỜI BỆNH HƯNG CẢM

Dương Minh Tâm<sup>1,2</sup>, Trần Nguyễn Ngọc<sup>1,2</sup>

### TÓM TẮT

Chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu khảo sát giai đoạn ham muốn của chu trình đáp ứng tình dục ở người bệnh mắc hưng cảm điều trị tại Viện Sức khỏe Tâm thần – bệnh viện Bạch Mai. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang, thực hiện trên 60 người bệnh được chẩn đoán hưng cảm mức độ theo tiêu chuẩn ICD-10 (bao gồm các mã chẩn đoán: F30, F31.0, F31.1, F31.2). Kết quả cho thấy tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu là  $33,3 \pm 11,2$  tuổi, nữ giới có tỷ lệ mắc cao hơn nam giới và tỉ lệ nữ/nam  $\approx 1,3/1$ . Tần suất quan hệ tình dục thường là 1-2 lần/tuần (30,0%). Nam giới thường tìm kiếm xem sách báo, tạp chí, phim liên quan đến tình dục cao hơn rõ rệt so với nữ giới, tỷ lệ lần lượt là 34,6% và 2,9%. Nam giới chủ yếu ham muốn quan hệ tình dục 3 – 4 lần/tuần (61,5%), còn nữ giới chủ yếu ham muốn tình dục 1 – 2 lần/tuần (32,4%). Tỷ lệ hành xử tình dục một mình chủ yếu gặp ở nam giới với tỷ lệ là 76,7%.

**Từ khóa:** hưng cảm; giai đoạn ham muốn, chu trình đáp ứng tình dục

### SUMMARY

#### EXCITEMENT PHASE OF SEXUAL RESPONSE CYCLE IN PATIENTS WITH MANIA

Our study aimed to invest the excitement phase of sexual response cycle in patients with mania treated in Institute of Mental Health – Bach Mai Hospital. This is a cross-sectional descriptive study, included 60 patients diagnosed with mania according to ICD-10 criteria (including diagnostic codes: F30, F31.0, F31.1, F31.2). Results: the mean age of participants was  $33.3 \pm 11.2$  years old. There were more women than men, and the female/male ratio was about 1.3/1. The frequency of sexual intercourse was 1-2 times/week (30.0%). The percentage of searching sexual related books, magazines and movies was significant higher in men than in women, 34.6% and 2.9% respectively. Most of men wanted to have sex 3-4 times/week (61.5%), while majority of women wanted sex 1-2 times/week (32.4%). Masturbation occurred mainly in men with therate of 76.7%.

**Keywords:** mania; excitement phase, the sexual response cycle.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai đoạn ham muốn của chu trình đáp ứng tình dục được đặc trưng bởi các tưởng tượng

hoặc khao khát thực hiện hành vi tình dục. Phản ứng tình dục của cả nam và nữ bắt đầu trong giai đoạn ham muốn. Khi xuất hiện các kích thích như hình ảnh, âm thanh hoặc tưởng tượng lúc đó bắt đầu có khoái cảm và sẽ hứng thú quan hệ tình dục. Sự xuất hiện của giai đoạn này được điều chỉnh bởi sự cân bằng của trung tâm kích thích nhạy cảm với Dopamine và trung tâm ức chế nhạy cảm với Serotonin trong não.<sup>1</sup> Mong muốn quan hệ tình dục được điều chỉnh bởi bởi các hormon testosterone hoặc estrogen. Động lực của quá trình dựa trên sự thân mật, niềm vui, mối quan hệ và chịu ảnh hưởng của vai trò của Dopamin ở hệ viền, nhân Accumbens. Các vấn đề của nhận thức như sự đánh giá những rủi ro và mong muốn quan hệ tình dục sẽ chi phối ham muốn tình dục. Giai đoạn ham muốn tình dục được đánh giá dựa trên nhiều khía cạnh như tần suất quan hệ tình dục, xem tạp chí, ảnh, phim liên quan đến tình hoặc sự hành xử tình dục một mình.<sup>2</sup> Hưng cảm là một trong các rối loạn tâm thần phổ biến, ảnh hưởng nhiều người trên toàn thế giới. Ước tính tỉ lệ mắc suốt đời của rối loạn này ở cộng đồng khoảng 1-3%. Rối loạn chức năng tình dục xảy ra ở người bệnh hưng cảm phổ biến ở cả nam và nữ, làm tăng nguy cơ hành vi tình dục không an toàn có thể gây nguy hiểm cho người bệnh và người xung quanh. Ở người bệnh hưng cảm, giai đoạn ham muốn tình dục chưa được khảo sát đầy đủ và hệ thống. Với mong muốn tìm hiểu giai đoạn ham muốn tình dục ở người bệnh hưng cảm nên chúng tôi tiến hành đề tài "Giai đoạn ham muốn của chu trình đáp ứng tình dục ở người bệnh hưng cảm" với mục tiêu là "Xác định một số tỷ lệ về giai đoạn ham muốn của chu trình đáp ứng tình dục ở người bệnh hưng cảm".

### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Thiết kế nghiên cứu.** Thiết kế được sử dụng là nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**2.2. Thời gian, đối tượng và địa điểm nghiên cứu**

**2.2.1. Thời gian nghiên cứu:** từ 8/2019 đến tháng 7/2020.

**2.2.2. Đối tượng nghiên cứu.** Lựa chọn vào nghiên cứu những người bệnh hưng cảm điều trị nội trú tại Viện Sức khỏe Tâm thần – Bệnh viện Bạch Mai đáp ứng tiêu chuẩn chẩn đoán theo ICD – 10 (F30, F31.0, F31.1, F31.2).<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Đại học Y Hà Nội

<sup>2</sup>Viện Sức Khỏe Tâm Thần - Bệnh Viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Trần Nguyễn Ngọc

Email: trannguyennngoc@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 8.11.2021

Ngày phản biện khoa học: 24.12.2021

Ngày duyệt bài: 10.01.2022

Loại ra khỏi nghiên cứu những trường hợp (i) có rối loạn chức năng tình dục từ trước đó; (ii) có các bệnh lý cơ thể nặng ảnh hưởng đến chức năng tình dục: tim mạch, nội tiết - chuyển hóa, thận - tiết niệu, bệnh lý tủy sống...; (iii) có sử dụng hoặc lạm dụng rượu hoặc chất kích thích; (iv) không đồng ý tham gia nghiên cứu

**2.2.3. Địa điểm nghiên cứu.** Nghiên cứu được tiến hành tại Viện Sức khỏe Tâm thần - bệnh viện Bạch Mai.

**2.3. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu.** Lấy mẫu thuận tiện, những người bệnh đảm bảo tiêu chuẩn lựa chọn và tiêu chuẩn loại trừ. Kết thúc nghiên cứu thu nhận được 60 người bệnh có hứng cảm.

**2.4. Biến số nghiên cứu.** Tuổi, giới tính, xem tranh ảnh liên quan đến tình dục, tần suất và mức độ quan hệ tình dục.

**2.5. Công cụ thu thập số liệu.** Bệnh án nghiên cứu (được thiết kế riêng phù hợp với nghiên cứu)

**2.6. Phân tích số liệu.** Nhập liệu và xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0

**2.7. Đạo đức nghiên cứu.** Đối tượng và người thân tham gia nghiên cứu được giải thích cặn kẽ, cụ thể về mục đích, nội dung cũng như những lợi ích và nguy cơ có thể xảy ra khi tham gia. Đây là nghiên cứu mô tả không can thiệp vào quá trình điều trị.

Các đối tượng tham gia nghiên cứu là hoàn toàn tự nguyện và có quyền rút khỏi nghiên cứu.

Mọi thông tin của đối tượng được đảm bảo giữ bí mật.

**Bảng 3.2. Tần suất quan hệ tình dục theo giới (N=60)**

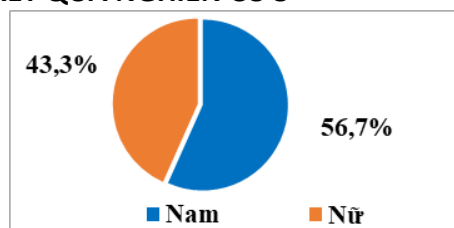
Tần suất quan hệ	Nam		Nữ		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Không quan hệ	2	7,7	13	38,2	15	25,0
1-2 lần / tháng	11	<b>42,3</b>	6	17,6	17	28,3
1-2 lần / tuần	10	38,5	8	<b>23,6</b>	18	30,0
3-4 lần/ tuần	3	11,5	4	11,8	7	11,7
Hàng ngày	0	0	3	8,8	3	5,0
<b>Tổng</b>	<b>26</b>	<b>100</b>	<b>34</b>	<b>100</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

**Nhận xét.** Trong nhóm 60 người bệnh nghiên cứu, tần suất quan hệ tình dục chiếm tỉ lệ cao là 1-2 lần/ tuần chiếm 30,0%. Tỉ lệ tiếp theo đó là 1-2 lần/ tháng và 3-4 lần/ tuần. Phân bố tần suất trong nhóm nam và nữ là không tương đồng. Nhóm nam có tần suất quan hệ 1-2 lần/ tháng chiếm tỉ lệ cao nhất 42,3%, trong khi đó tỉ lệ bệnh nhân nữ có tần suất quan hệ 1-2 lần/ tuần là cao nhất (23,5 %).

**Bảng 3.3. Tỷ lệ xem tạp chí, ảnh, phim liên quan đến tình dục theo giới (N = 60)**

Xem	Nam		Nữ		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Không	1	3,8	10	29,4	11	18,3
Hiếm khi	6	23,1	13	<b>38,2</b>	19	31,7
Thỉnh thoảng	10	<b>38,5</b>	10	<b>29,5</b>	20	33,3
Thường xuyên	9	<b>34,6</b>	1	2,9	10	16,7
<b>Tổng</b>	<b>26</b>	<b>100</b>	<b>34</b>	<b>100</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



**Biểu đồ 3.1. Phân bố giới tính của nhóm nghiên cứu (n = 60)**

**Nhận xét:** Trong số 60 người bệnh nghiên cứu của chúng tôi, có 34 người bệnh là nữ giới chiếm 56,7%, còn nam giới chiếm tỉ lệ thấp hơn là 43,3% (26 người bệnh). Tỉ lệ nữ/nam  $\approx 1,3 / 1$ .

**Bảng 3.1. Phân bố nhóm tuổi ở nhóm nghiên cứu (n=60)**

Nhóm tuổi	n	%
18-19	3	5,0
20 - 24	9	15,0
25 - 29	14	23,3
30 - 34	9	15,0
35 - 39	9	15,0
40 - 44	6	10,0
45 - 49	3	5,0
50 - 54	4	6,7
55 - 60	3	5,0
<b>Tổng số</b>	<b>60</b>	<b>100,0</b>
$X \pm SD$	<b>33,2 <math>\pm</math> 11,2</b>	

**Nhận xét.** Trong số 60 người bệnh nghiên cứu có nhóm người bệnh 25 - 29 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất 23,3% (14 người bệnh). Tuổi trung bình của nhóm người bệnh nghiên cứu là  $33,3 \pm 11,2$  tuổi.

**Nhận xét.** Trong nhóm 60 người bệnh nghiên cứu tần suất tìm kiếm xem sách báo, tạp chí, phim liên quan đến tình dục cao ở mức độ thỉnh thoảng 33,3%. Mức độ tìm kiếm thường xuyên chiếm tỉ lệ ít hơn là 16,7%. Mức độ không tìm kiếm là 18,3%. Phân bố nhóm nam nữ cho thấy nam giới có mức độ tìm kiếm liên quan đến tình dục cao hơn nữ giới, mức độ tìm kiếm thường xuyên ở nam là 34,6%, trong khi nữ rất thấp là 2,9%.

**Bảng 3.4. Tỷ lệ ham muốn quan hệ tình dục theo giới (N = 60)**

Mức độ	Nam		Nữ		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Không	0	0	8	23,5	8	13,3
1-2 lần/ tháng	1	3,8	4	11,8	5	8,3
1-2 lần / tuần	4	15,4	11	<b>32,4</b>	11	25,0
3-4 lần/ tuần	16	<b>61,5</b>	6	17,6	22	<b>36,7</b>
Hàng ngày	5	19,3	4	11,8	9	15,0
Nhiều lần	0	0	1	2,9	1	1,7
<b>Tổng</b>	<b>26</b>	<b>100,0</b>	<b>34</b>	<b>100,0</b>	<b>60</b>	<b>100,0</b>

**Nhận xét.** Trong nhóm nghiên cứu mức độ ham muốn tham gia quan hệ tình dục chiếm tỉ lệ cao nhất là 3-4 lần/ tuần (36,7%), thấp nhất ở mức độ nhiều lần/ ngày (1,7%). Phân bố mức độ nam nữ không đồng đều, nam giới tỉ lệ cao nhất 61,5% mức độ ham muốn 3-4 lần/ tuần. nữ giới cao nhất 32,4% mức độ ham muốn 1-2 lần/ tuần.

**Bảng 3.5. Tỷ lệ tự hành xử tình dục một mình theo giới (N = 60)**

Mức độ	Nam		Nữ		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Không	6	23,1	25	<b>73,5</b>	31	51,7
1-2 lần / tháng	7	<b>26,9</b>	1	2,9	8	13,3
1-2 lần/ tuần	7	<b>26,9</b>	6	17,7	13	21,7
3-4 lần/ tuần	6	23,1	2	5,9	8	13,3
Hàng ngày	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>26</b>	<b>100,0</b>	<b>34</b>	<b>100,0</b>	<b>60</b>	<b>100,0</b>

**Nhận xét.** Trong 60 người bệnh nhóm nghiên cứu tỉ lệ người bệnh tự hành xử tình dục một mình là 48,3%, trong đó tần suất thực hiện 1-2 tháng/lần là 13,3%, 1-2 lần/tuần là 21,7%, 3-4 lần/tuần là 13,3%. Phân bố không đều trong nhóm nam và nữ. Nam giới có tỉ lệ tự hành xử tình dục một mình cao hơn nữ giới gấp 2,93 lần (76,7% / 26,1%).

#### IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu, tỉ lệ mắc rối loạn hưng cảm dao động đáng kể giữa các độ tuổi. Người có độ tuổi thấp nhất là 18 tuổi và cao nhất là 59 tuổi. Người ở độ tuổi trung bình của nhóm người bệnh nghiên cứu là  $33,3 \pm 11,2$  tuổi (biểu đồ 3.1). Hưng cảm thường khởi phát từ độ tuổi 20-30. Một nghiên cứu đa quốc gia bởi Weissman và cộng sự (1996) cho thấy tuổi khởi phát trung bình của rối loạn cảm xúc lưỡng cực dao động từ 17,1 (Edmonton) đến 23,0 ở Hàn Quốc, chỉ có một vài quốc gia như Tây Đức (29,0 tuổi) và Puerto Rico (27,2 tuổi) là có tuổi trung bình cao hơn các nước khác. <sup>4</sup>Như vậy kết quả cho thấy hầu hết các người bệnh đang trong độ tuổi hoạt động tình dục mạnh nhất và cũng chính là hoạt động để duy trì sinh sản giống nòi. Trong giai đoạn này là sự trưởng thành đầy đủ về cơ thể cũng như về chức năng hoạt động tình dục. Giai đoạn này đang ở đỉnh cao phong độ của con người, ham muốn của họ không chỉ cao mà còn

để bị kích thích. Vì vậy tình trạng rối loạn hưng cảm này có thể gây ảnh hưởng nhiều đến khả năng quan hệ tình dục của người bệnh hiện tại cũng như sau đó. Ngoài ra đây là nhóm tuổi đang trong độ tuổi lao động chính của gia đình, nên sẽ gây nhiều ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của gia đình người bệnh. Kết quả nghiên cứu từ Biểu đồ 3.2 cho thấy trong tổng số 60 người bệnh nghiên cứu có số người bệnh nữ giới là 34, chiếm tỉ lệ 56,7%, số người bệnh nam giới là 26, chiếm tỉ lệ 43,3%. Tỉ lệ nữ/nam  $\approx 1,3/1$ . Các kết quả này phù hợp với nghiên cứu khi người bệnh hưng cảm nữ và nam gặp gần tương đương nhau. Đa số nhận thấy rằng không có sự khác biệt tỉ lệ giữa nam và nữ. Khi đánh giá về yếu tố giới tính ở rối loạn cảm xúc lưỡng cực, các tác giả cho thấy rằng: các bằng chứng dường như không cho thấy có sự khác biệt về giới tính giữa tỷ lệ lưu hành và tỷ lệ mắc phải rối loạn cảm xúc lưỡng cực nói chung. Theo các nghiên cứu trên thế giới cả trong nước và nước

ngoài, dịch tễ của hưng cảm liên quan đến giới tính đều cho thấy sự phân bố đồng đều. Theo Tobias A. Rowland và Steven Marwaha (2014) cho thấy sự tương đương giữa tỉ lệ nam và nữ.<sup>4</sup>Tuy nhiên một số nghiên cứu gần đây cho rằng cường độ tình dục tăng lên trong các giai đoạn hưng cảm hoặc hưng cảm nhẹ của họ là một thay đổi tích cực hơn. Hưng cảm có thể là các dấu hiệu giúp tăng cảm xúc và khoái cảm tình dục nên giúp làm tăng chất lượng của hoạt động tình dục giữa các cặp đôi. Tuy nhiên những cảm xúc tích cực đó ở người bệnh hưng cảm liên quan đến sự thay đổi hoạt động tình dục ở phụ nữ đã được thể hiện rõ rệt hơn ở nam giới.

Trong nghiên cứu của chúng tôi kết quả ở cho thấy tần suất quan hệ tình dục của đối tượng người bệnh chiếm tỉ lệ cao là 1-2 lần/ tuần. Tiếp theo đó là 1-2 lần/tháng và 3-4 lần/tuần. Có 25% không có quan hệ tình dục trong giai đoạn nghiên cứu và không có người bệnh nào quan hệ tình dục nhiều lần trong ngày. Phân bố tần suất trong nhóm nam và nữ là không tương đồng. Nhóm nam có tần suất quan hệ 1-2 lần/ tháng chiếm tỉ lệ cao nhất 42,3%. Người bệnh nữ có tần suất quan hệ 1-2 lần/tuần là cao nhất (23,5%) (bảng 3.2). Trong khi đó tỉ lệ tần suất quan hệ tình dục bất kì có thể dao động khác nhau ở các cặp đôi, trình trạng mỗi quan hệ, giữa các nền văn hóa khác nhau. Tại Hoa Kỳ, tần suất quan hệ tình dục trung bình của các cặp đôi đã kết hôn là 2 đến 3 lần một tuần. Các nghiên cứu nhận thấy tần suất quan hệ tình dục và tần số quan hệ tình dục suy giảm dần theo độ tuổi, càng nhiều tuổi thì số lượng càng giảm đi. Theo Viện Kinsey của Indiana university tần suất quan hệ tình dục trung bình tại Mỹ khi ở khoảng 18-29 tuổi là 112 lần mỗi năm (3 ngày/ 1 lần), 30-39 tuổi là 86 lần mỗi năm (4 ngày/ 1 lần) và 40-49 tuổi là 69 lần mỗi năm (5 ngày/ 1 lần). Theo bảng 3.3, tần suất tìm kiếm xem sách báo, tạp chí, phim, ảnh liên quan đến tình dục cao ở mức độ thỉnh thoảng và hiếm khi tương ứng là 33,3% và 31,7%. Mức độ không tìm kiếm và tìm kiếm thường xuyên tỉ lệ thấp hơn tương ứng là 18,3% và 16,7%. Phân bố nhóm nam nữ cho thấy nam giới có mức độ tìm kiếm liên quan đến tình dục cao hơn nữ giới, mức độ tìm kiếm thường xuyên ở nam là 34,6% trong khi nữ rất thấp là 2,9%. Điều này có thể được lí giải do nam giới thường có xu hướng tò mò, tìm tòi về tình dục nhiều hơn. Nên nam giới có mức độ tìm kiếm tranh, ảnh phim liên quan đến tình dục nhiều hơn. Trong nghiên cứu của chúng tôi, các người bệnh mức độ ham muốn tham gia tình dục chiếm tỉ lệ

cao nhất là 3-4 lần/ tuần (36,7%), thấp nhất ở mức độ nhiều lần/ ngày (1,7%). Phân bố mức độ nam nữ không đồng đều, nam giới tỉ lệ cao nhất 61,5% mức độ ham muốn 3-4 lần/ tuần, nữ giới cao nhất 32,4% mức độ ham muốn 1-2 lần/ tuần. (Bảng 3.4). Điều này phù hợp với Marianna Mazza (2011) ở sự gia tăng hứng thú tình dục ở bệnh nhân hưng cảm. <sup>5</sup>Kết quả này cũng tương đồng với Allison, J.B và Wilson, W.P (1960) nghiên cứu ở 24 người bệnh trong đó có 12 nam và 12 nữ cho thấy rằng cả nam giới và nữ giới đều có ham muốn tình dục tăng lên khi hưng cảm.<sup>6</sup> Tuy nhiên trong nghiên cứu đó thì phụ nữ có biểu hiện và hoạt động tình dục nhiều hơn nam giới. Lam và cộng sự năm 2005 báo cáo rằng người bệnh rối loạn lưỡng cực II với các triệu chứng không điển hình đã xuất hiện biểu hiện tăng ham muốn tình dục và hoạt động tình dục trong giai đoạn trầm cảm. <sup>7</sup>Kết quả của nghiên cứu trong Bảng 3.5 cho thấy rằng tỉ lệ người bệnh trong nhóm có hành xử tình dục một mình là 48,3%, trong đó tần suất 1-2 tháng/lần là 13,3%, 1-2 lần/tuần là 21,7%, còn 3-4 lần/tuần là 13,3%. Phân bố không đều trong nhóm nam và nữ. Nam giới có tỉ lệ hành xử tình dục một mình cao hơn nữ giới gấp 2,93 lần (76,7%/ 26,1%). Điều này chúng tôi có thể lí giải được do nền văn hóa và tôn giáo ở Việt Nam, người phụ nữ luôn giữ gìn đạo đức bản thân, sự trong trắng tâm hồn, đức hạnh trong tình yêu. Người phụ nữ luôn có sự e thẹn, ngại ngùng của tư tưởng văn hóa khi tiếp xúc với vấn đề này. Marianna Mazza (2011) nghiên cứu trên 60 người bệnh giai đoạn hưng cảm rối loạn cảm xúc lưỡng cực và nhóm đối chứng cho kết quả rằng gia tăng hứng thú/ ham muốn tình dục ở người bệnh hưng cảm.<sup>5</sup>Người bệnh khi tăng ham muốn tình dục sẽ tìm cách quan hệ khác nhau. Trong đó tự "thủ dâm" hành xử tình dục một mình cũng được thực hiện nhiều hơn vì đó là hoạt động dễ dàng có thể. Theo Viện Kinsey tại Hoa Kỳ năm 2010 hơn một nửa số phụ nữ từ 18 đến 49 tuổi cho biết đã thủ dâm trong 90 ngày trước đó. Tỷ lệ này cao nhất trong nhóm 25-29 và ít dần dần ở các nhóm tuổi cao hơn. Ở các quốc gia phát triển vấn đề tình dục được tiếp nhận cởi mở hơn Việt Nam.

## V. KẾT LUẬN

Người bệnh trong nghiên cứu có tuổi trung bình là  $33,3 \pm 11,2$  tuổi, nữ giới có tỷ lệ cao hơn nam giới và tỉ lệ nữ/nam  $\approx 1,3/1$ . Tần suất quan hệ tình dục thường là 1-2 lần/tuần (30,0%). Nam giới thường tìm kiếm xem sách báo, tạp chí, phim liên quan đến tình dục cao hơn nữ giới, tỷ

lệ lần lượt là 34,6% và 2,9%. Nam giới chủ yếu ham muốn quan hệ tình dục 3 – 4 lần/tuần (61,5%), còn nữ giới chủ yếu ham muốn tình dục 1 – 2 lần/tuần (32,4%). Tỷ lệ hành xử tình dục một mình chủ yếu gặp ở nam giới với tỷ lệ là 76,7%.

**Lời cảm ơn.** Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những người bệnh và gia đình tham gia vào nghiên cứu, cảm ơn Viện Sức khỏe Tâm thần – Bệnh viện Bạch Mai đã tạo điều kiện cho việc thực hiện nghiên cứu.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Boland R, Verduin M, Pedro R. Chapter 16.** Human Sexuality and Sexual Dysfunctions. In: Kaplan & Sadock's Synopsis of Psychiatry. Twelfth edition. Wolters Kluwer Health; 2021.  
 2. **Vodusek DB, Boller F, eds. Chapter 2.** Human sexual response. In: Neurology of Sexual and Bladder Disorders. 1st edition. Elsevier; 2015:11-18.

3. **Organization WH.** The ICD-10 Classification of Mental and Behavioural Disorders: Clinical Descriptions and Diagnostic Guidelines. 1st edition. World Health Organization; 1992.  
 4. **Rowland TA, Marwaha S.** Epidemiology and risk factors for bipolar disorder. Ther Adv Psychopharmacol. 2018;8(9):251-269. doi:10.1177/2045125318769235  
 5. **Mazza M, Harnic D, Catalano V, et al.** Sexual behavior in women with bipolar disorder. J Affect Disord. 2011;131(1-3):364-367. doi:10.1016/j.jad.2010.11.010  
 6. **Allison JB, Wilson WP.** Sexual behavior of manic patients: a preliminary report. South Med J. 1960;53:870-874. doi:10.1097/00007611-196007000-00009  
 7. **Mahadevan R, Nik Jaafar NR, Sidi H, Midin M, Das S.** Is increased libido an atypical symptom of bipolar depression? An interesting case. J Sex Med. 2013;10(3):883-886. doi:10.1111/j.1743-6109.2012.02949.x

**XÁC ĐỊNH TỶ LỆ VÀ YẾU TỐ NGUY CƠ MẮC LAO TIỀM ẨN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN BẠCH MAI**

Trần Thu Trang<sup>1</sup>, Vũ Văn Giáp<sup>2,3</sup>, Chu Thị Hạnh<sup>2</sup>

**TÓM TẮT**

Nhân viên y tế (NVYT) tại những nước có gánh nặng lao cao có nguy cơ nhiễm trùng bệnh viện bệnh lao. Lao tiềm ẩn (LTA) là tình trạng nhiễm M.Tuberculosis mà không có triệu chứng lâm sàng. **Mục tiêu của nghiên cứu:** đánh giá thực trạng mắc và các yếu tố nguy cơ mắc lao tiềm ẩn của nhân viên y tế tại bệnh viện Bạch Mai. **Đôi tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành từ tháng 2 đến tháng 12 năm 2018. Có 794 NVYT tham gia trả lời bộ câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu học, tiếp xúc bệnh lao nghề nghiệp và được tiến hành tiêm trong da Tuberculin. **Kết quả:** tỷ lệ mắc LTA của NVYT trong nghiên cứu: 44,1%. Các yếu tố nguy cơ liên quan có ý nghĩa với nhiễm LTA: thời gian làm việc trên 1 năm [8,8 (CI:1,14;69)]; hộ lý nguy cơ cao hơn so với các vị trí nghề nghiệp khác [2,32(CI:1,16;4,64)], không có tiền sử tiêm vacxim BCG [4,91 (CI:3,52;6,88)], tiền sử tiếp xúc với bệnh nhân lao không có biện pháp bảo vệ [1,59 (CI:1,12;2,02)]. **Kết luận:** tỷ lệ mắc LTA của NVYT tại Bạch Mai cao. Do vậy cần phải áp dụng chặt chẽ các biện pháp kiểm soát nhiễm trùng để nhằm ngăn ngừa, kiểm soát nguồn lây nhiễm cho nhân viên trong bệnh viện. **Từ khóa:** Lao tiềm ẩn

**SUMMARY**

**PREVALENCE AND RISK FACTORS FOR LATENT TUBERCULOSIS INFECTION AMONG HEALTHCARE WORKERS IN BACH MAI HOSPITAL, VIET NAM**

Health care workers (HCWs) are exposed to patients with tuberculosis (TB) and are at risk of nosocomial infection. Most of them acquire Mycobacterium tuberculosis but do not progress to the active disease- latent tuberculosis infection (LTBI). The objective of this study was to assess the prevalence and risk factors associated with LTBI among HCWs in Bach Mai Hospital. Methods: This cross-sectional study of HCWs was conducted from February to December in 2018. Participants (n = 794) were administered a questionnaire on demographics and occupational tuberculosis exposure and had a tuberculin skin test (TST) administered. Results: The overall prevalence of LTBI among HCWs was 44,1%. Factors significantly associated with LTBI were working duration in healthcare over one year [8.8(CI:1.14;69)]; worked as a nursing assistant [2,32(CI:1.16;4.64)], those who had no BCG vaccination in history [4.91(CI:3.52;6.88)] and recent history of contact to TB patients diagnosed TB without any protection measures [1.59(CI:1.12;2.02)]. **Conclusions:** The prevalence of LTBI in Bach Mai hospital was high. Adequate infection control measures are warranted to prevent and control transmission in health care settings.

**Key Words:** Latent tuberculosis infection (LTBI)

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Lây nhiễm lao từ bệnh nhân cho nhân viên y

<sup>1</sup>Bệnh viện Bạch Mai

<sup>2</sup>Trung tâm hô hấp- Bệnh viện Bạch Mai

<sup>3</sup>Trường Đại học y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thu Trang

Email: bstranthtrang@gamil.com

Ngày nhận bài: 9.11.2021

Ngày phản biện khoa học: 27.12.2021

Ngày duyệt bài: 10.01.2022